

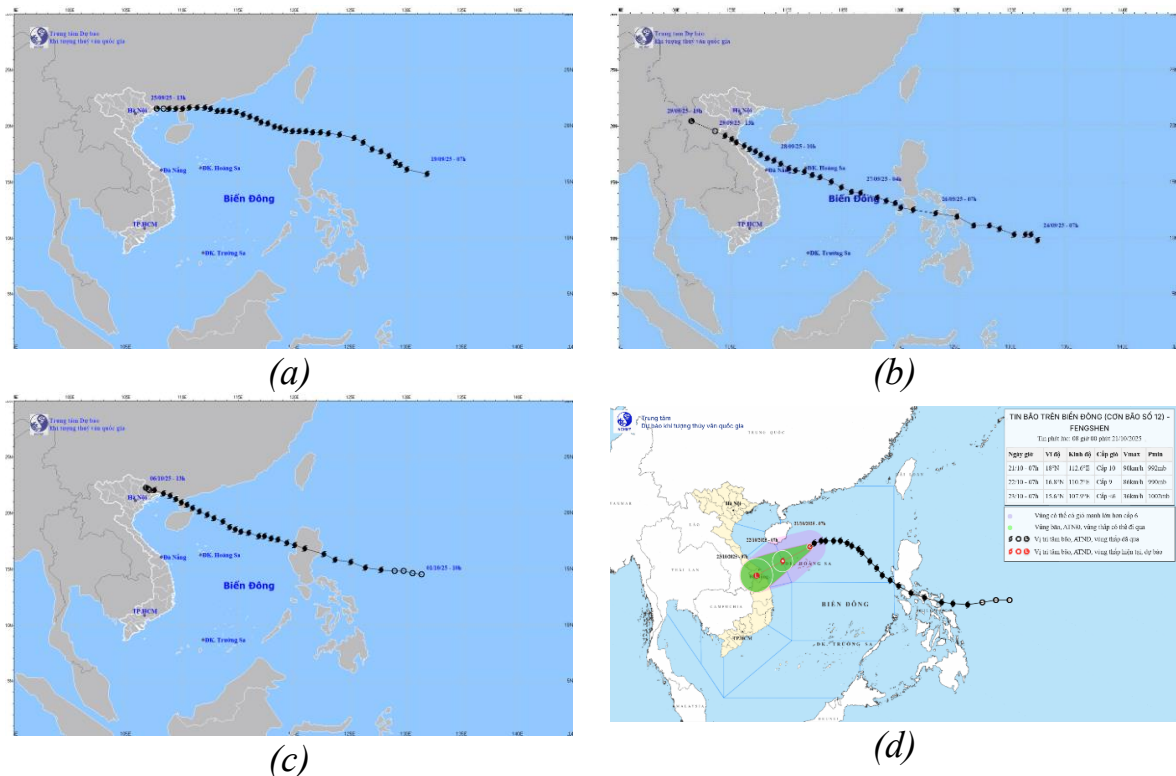
Số: KH1T-30/12h00/DBQG-DBKH

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2025

**BẢN TIN DỰ BÁO KHÍ HẬU THỜI HẠN THÁNG
TRÊN PHẠM VI TOÀN QUỐC**
(từ 21/10-20/11/2025)

1. Phân tích, đánh giá thời tiết, khí hậu nổi bật từ 21/9-20/10/2025

+ **Bão và áp thấp nhiệt đới (ATNĐ):** Trên Biển Đông đã xuất hiện 04 cơn bão, bao gồm: Bão số 9 (RAGASA), bão số 10 (BUALOI), số 11 (MATMO) và số 12 (FENGSHEN-đang theo dõi) (Hình 1), trong đó bão số 9, bão số 10 và bão số 11 đã ảnh hưởng trực tiếp đến nước ta, cụ thể như sau:



Hình 1: Quỹ đạo của các cơn bão: (a) số 9 (RAGASA); (b) số 10 (BUALOI); (c) số 11 (MATMO); (d) số 12 (FENGSHEN)

- **Bão số 9 (RAGASA):** Tối 22/9, siêu bão RAGASA đi vào vùng biển phía Đông Bắc của khu vực Bắc Biển Đông, trở thành cơn bão số 9 trong năm 2025; đây là cơn bão mạnh có sức gió mạnh nhất vùng gần tâm đạt cấp siêu bão mạnh cấp 17, giật trên cấp 17, di chuyển chủ yếu theo hướng Tây Tây Bắc với tốc độ 20-25km/h. Sáng 24/9, sau khi đi vào khu vực biển phía Nam tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc) siêu bão giảm cường độ xuống cấp 15. Đến sáng ngày 25/9, sau khi

đi vào vùng biển Quảng Ninh, bão số 9 đã suy yếu thành ATNĐ, sức gió mạnh nhất vùng gần tâm ATNĐ mạnh cấp 7, giật cấp 9, di chuyển theo hướng Tây, tốc độ 15-20km/h. Do ảnh hưởng của bão số 9, ở đặc khu Bạch Long Vĩ (Hải Phòng) có gió mạnh cấp 7, giật cấp 8, sóng cao 2,0m. Chiều ngày 25/9, ATNĐ suy yếu thành một vùng áp thấp trên khu vực Quảng Ninh và suy yếu dần (*Hình 1a*).

- *Bão số 10 (BUALOI)*: Tối 26/9, bão BUALOI đi vào vùng biển phía Đông của khu vực Giữa Biển Đông và trở thành cơn bão số 10 trong năm 2025; sức gió mạnh nhất vùng gần tâm bão mạnh cấp 12, giật cấp 15, di chuyển theo hướng Tây Tây Bắc với tốc độ 30-35km/h. Đêm 28/9, bão số 10 đổ bộ vào khu vực Hà Tĩnh-Bắc Quảng Trị với sức gió mạnh nhất vùng gần tâm bão mạnh cấp 11, giật cấp 14. Trưa 29/9, bão số 10 di chuyển sang khu vực Thượng Lào, suy yếu thành ATNĐ, sau đó thành vùng áp thấp và tan dần (*Hình 1b*).

- *Bão số 11 (MATMO)*: Chiều ngày 03/10, bão MATMO đi vào vùng biển phía Đông của khu vực Bắc Biển Đông và trở thành cơn bão số 11 trong năm 2025; sức gió mạnh nhất vùng gần tâm bão mạnh cấp 10, giật cấp 13, di chuyển chủ yếu theo hướng Tây Tây Bắc, tốc độ khoảng 25km/h. Sáng sớm ngày 06/10, bão đi vào đất liền khu vực Phòng Thành của tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc), cường độ giảm xuống cấp 8, giật cấp 10, sau đó bão đi sâu vào đất liền và suy yếu thành áp thấp nhiệt đới, đến trưa cùng ngày suy yếu thành một vùng áp thấp trên khu vực biên giới Lạng Sơn (Việt Nam) và Trung Quốc (*Hình 1c*).

- *Bão số 12 (FENGSHEN)*: Trưa 17/10, một áp thấp nhiệt đới hình thành và nhanh chóng mạnh lên trên vùng biển phía Đông miền Trung Phi-líp-pin. Đến chiều 18/10, mạnh lên thành bão có tên quốc tế là FENGSHEN, sức gió mạnh nhất vùng gần tâm bão mạnh cấp 8, giật cấp 10 và tiếp tục di chuyển nhanh theo hướng Tây Tây Bắc với tốc độ 20–25km/h. Chiều 19/10, bão đi vào khu vực Bắc Biển Đông và trở thành cơn bão số 12 trong năm 2025. Sáng 21/10, vị trí tâm bão cách đặc khu Hoàng Sa khoảng 130km về phía Bắc và di chuyển theo hướng Tây, dự báo sau đó có khả năng di chuyển theo hướng Tây Tây Nam đến Tây Nam và ảnh hưởng đến khu vực Trung Bộ (*Hình 1d-Cần tiếp tục theo dõi*).

+ ***Không khí lạnh (KKL)***: Trong thời kỳ 21/9-20/10, có 01 đợt KKL vào ngày 19/10, đã gây gió mạnh cấp 6-7, giật cấp 8 tại trạm Bạch Long Vĩ, một số nơi ở khu vực Đông Bắc Bắc Bộ có nhiệt độ thấp nhất ngày xuống dưới 20 độ, có nơi dưới 15,0°C: Mẫu Sơn (Lạng Sơn) 12,7°C.

+ ***Đông, lốc, sét***: Trên phạm vi toàn quốc đã xảy ra một số trận đông, lốc (*Bảng 2-Phụ lục*).

+ ***Mưa diện rộng***: Tại các tỉnh Bắc Bộ xuất hiện nhiều ngày có mưa, và xảy ra 03 đợt mưa diện rộng vào các ngày: Từ ngày 25/9-01/10, từ ngày 06-08/10 và từ ngày 15-16/10, trong đó đợt mưa lớn diện rộng từ ngày 14-15/10 chỉ tập trung ở Đông Bắc Bộ. Đợt mưa từ ngày 25/9-01/10 do ảnh hưởng của dải hội tụ nhiệt đới sau kết hợp với hoàn lưu cơn bão số 10, nên khu vực Bắc Bộ có mưa lớn diện rộng với tổng lượng mưa (TLM) phổ biến từ 150-250mm, có nơi cao hơn; đặc biệt khu vực phía Nam Sơn La, Nam Phú Thọ, Lào Cai và Hà Nội có TLM từ 250-400mm, có nơi cao hơn trên 450mm. Đợt mưa từ ngày 06-08/10 do ảnh hưởng do ảnh hưởng của bão số 11, sau chịu ảnh hưởng hoàn lưu của vùng áp thấp suy yếu từ cơn bão nên khu vực Đông Bắc của Bắc Bộ, phía Nam Tuyên Quang (Tuyên Quang cũ), Thái Nguyên và Hà Nội có mưa to đến rất to với lượng mưa phổ biến 150-250mm, có nơi trên 300mm, riêng khu vực Thái Nguyên 250-350mm, có nơi trên 450mm; các nơi khác ở Bắc Bộ có mưa vừa, mưa to, có nơi mưa rất to với lượng mưa phổ biến 70-120mm, có nơi trên 150mm.

Khu vực Thanh Hóa đến Huế xảy ra 03 đợt mưa lớn diện rộng: Từ ngày 26/9-01/10, từ ngày 6-8/10 và từ ngày 14-15/10, trong đó đáng lưu ý đợt mưa lớn từ ngày 26/9-01/10, do ảnh hưởng của bão số 10 đã có mưa rất to với TLM phổ biến từ 300-450mm, đặc biệt tại Thanh Hóa-Nghệ An và Huế có TLM từ 450-550mm, có nơi trên 600mm. Tại khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ 01 đợt mưa lớn diện rộng từ ngày 09-10/10 và các tỉnh từ Quảng Trị- phía Đông của tỉnh Kon Tum-Gia Lai 01 đợt mưa lớn diện rộng tại từ ngày 16-20/10.

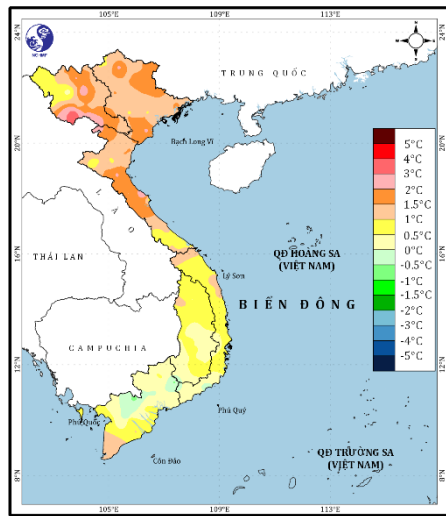
Khu vực cao nguyên Trung Bộ đã xảy ra 01 đợt mưa lớn vào ngày 22-23/9; khu vực Nam Bộ đã xuất hiện nhiều ngày có mưa rào và dông, trong đó thời kỳ từ ngày 26-30/9, do ảnh hưởng của gió Tây Nam hoạt động mạnh nên khu vực đã có mưa, mưa vừa và rải rác có dông, cục bộ có mưa to với lượng mưa phổ biến từ 40-100mm.

Trong các đợt mưa lớn đề cập ở trên, tại nhiều nơi đã ghi nhận được giá trị lượng mưa ngày vượt giá trị lịch sử (GTLS) cùng thời kỳ (*Bảng 3 - Phụ lục*). Đặc biệt trong ngày 07/10 tại một số trạm đã quan trắc được lượng mưa rất lớn không chỉ vượt GTLS lượng mưa ngày trong tháng 10 mà còn vượt cả lượng mưa ngày cao nhất trong năm, cũng như là TLM cao nhất tháng 10 (*Bảng 4-Phụ lục*).

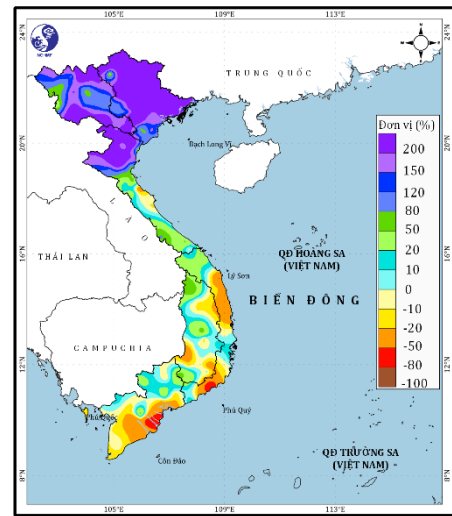
+ ***Nhiệt độ trung bình (NĐTĐB)***: NĐTĐB trên cả nước phổ biến cao hơn so với trung bình nhiều năm (TBNN) từ 0,5-1,5⁰C; riêng khu vực Bắc Bộ và các tỉnh

từ Thanh Hóa-Hà Tĩnh cao hơn từ 1,5-2,5⁰C, có nơi cao hơn 2,5⁰C (Hình 2a).

+ **Lượng mưa**: TLM trên cả nước phổ biến cao hơn so với TBNN từ 50-120%; đặc biệt tại khu vực Đông Bắc Bộ cao hơn gấp 3-5 lần so với TBNN cùng thời kỳ. Các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ và Nam Bộ có TLM phổ biến thấp hơn từ 10-25% so với TBNN cùng thời kỳ (Hình 2b).



(a)

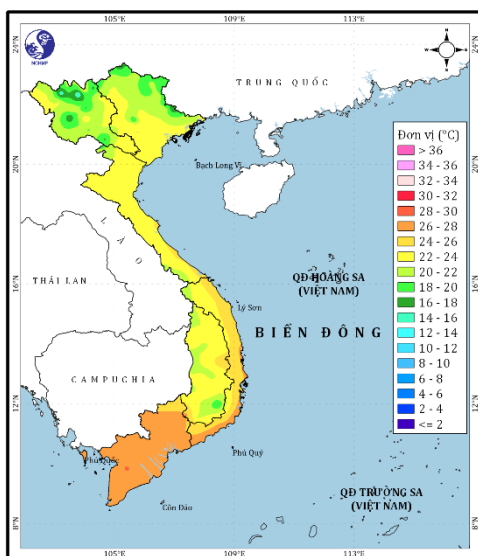


(b)

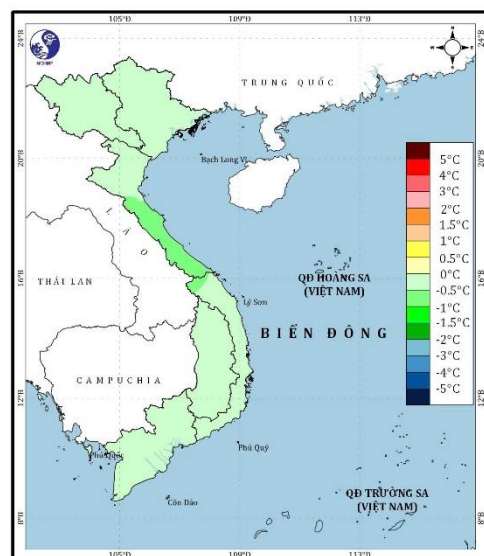
Hình 2: (a) Chuẩn sai nhiệt độ trung bình (⁰C) và (b) Tỷ chuẩn lượng mưa (%) từ 21/9-20/10/2025.

2. Dự báo xu thế khí hậu từ 21/10-20/11/2025

2.1. Dự báo xu thế NĐTB



(a)



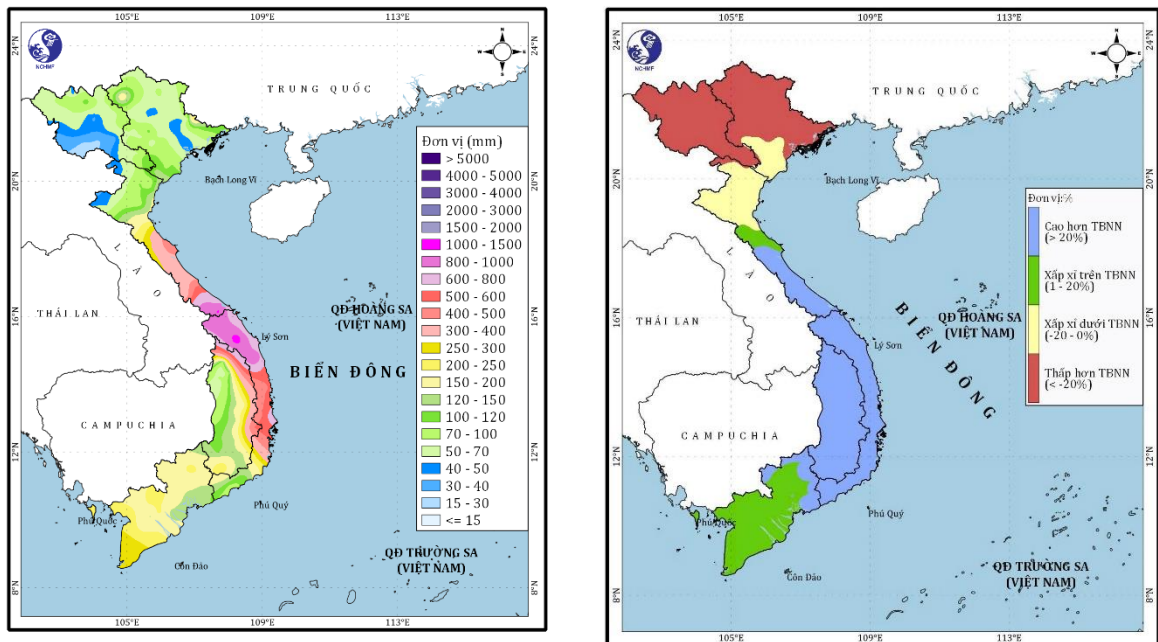
(b)

Hình 3: (a) Nhiệt độ TBNN (⁰C) từ 21/10-20/11; (b) Dự báo chuẩn sai nhiệt độ trung bình (⁰C) từ 21/10-20/11/2025

Trong thời kỳ dự báo, NĐTĐ tại hầu hết các khu vực trên cả nước phổ biến thấp hơn khoảng $0,5^{\circ}\text{C}$ so với TBNN; riêng các tỉnh từ Hà Tĩnh đến Huế phổ biến thấp hơn từ $0,5-1,0^{\circ}\text{C}$ so với TBNN cùng thời kỳ (Hình 3b).

2.2. Dự báo xu thế lượng mưa

Trong thời kỳ dự báo, TLM tại khu vực Bắc Bộ và Thanh Hóa phổ biến thấp hơn từ 10-30% so với TBNN; các khu vực khác có TLM phổ biến cao hơn so với TBNN từ 10-30%, riêng khu vực phía Nam Quảng Trị đến Quảng Ngãi có khả năng TLM cao hơn từ 30-50% so với TBNN cùng thời kỳ (Hình 4b).



(a)

(b)

Hình 4: (a) Tổng lượng mưa (mm) TBNN từ 21/10-20/11; (b) Dự báo tỷ chuẩn lượng mưa (%) từ 21/10-20/11/2025

2.3. Cảnh báo thời tiết nguy hiểm

+ **Bão và áp thấp nhiệt đới:** Trong thời kỳ dự báo, trên khu vực Biển Đông có khả năng xuất hiện từ 02-03 cơn bão/ATNĐ và có khả năng ảnh hưởng đến đất liền Việt Nam từ 01-02 cơn (TBNN: Trên Biển Đông là 1,7 cơn, đổ bộ vào đất liền Việt Nam là 0,9 cơn).

+ **Không khí lạnh:** Trong thời kỳ dự báo, KKL tiếp tục có xu hướng gia tăng về tần suất và cường độ.

+ **Mưa diện rộng:** Tại các tỉnh từ Hà Tĩnh đến Gia Lai và Khánh Hòa trong thời kỳ dự báo có khả năng xuất hiện các đợt mưa lớn diện rộng. Phía Tây các tỉnh từ Đắk Lắk-Lâm Đồng và khu vực Nam Bộ có nhiều ngày có mưa rào

và đông; trong đó, một số ngày có thể xảy ra mưa vừa, mưa to.

+ Trên phạm vi cả nước, tiếp tục có khả năng xuất hiện các hiện tượng thời tiết nguy hiểm như đông, lốc, sét, mưa đá và gió giật mạnh.

2.4. Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế-xã hội

Bão, ATNĐ, gió mùa Tây Nam và KKL gây ra gió mạnh, sóng lớn trên biển và ảnh hưởng đến các hoạt động của tàu thuyền. Đặc biệt, đề phòng mưa lớn có thể gây ra lũ lụt, ngập úng ở các vùng trũng và sạt lở đất ở vùng núi. Các hiện tượng mưa lớn và đông, lốc, sét có thể ảnh hưởng tiêu cực đến các hoạt động sản xuất và sức khỏe cộng đồng.

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu, thời tiết, khí hậu ngày càng diễn biến phức tạp với nhiều hình thái nguy hiểm, cực đoan như mưa lớn trong thời gian ngắn, lũ quét, sạt lở đất... Do đó, đề nghị các cấp chính quyền và người dân thường xuyên cập nhật và tích hợp thông tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn trong các bản tin ngắn hạn 1-3 ngày, để kịp thời điều chỉnh các kế hoạch sản xuất, phương án ứng phó phù hợp, đặc biệt là phương án vận hành hồ chứa phù hợp, bảo đảm an toàn công trình và vùng hạ du, cùng với đảm bảo an toàn cho các hoạt động sản xuất và dân sinh.

3. Dự báo nhiệt độ trung bình, lượng mưa từ 21/10-20/11/2025

Địa điểm dự báo (Các trạm khí tượng đặc trưng- Tỉnh/Tp-Đài KTTV Khu vực)	Thời kỳ 21-31/10		Thời kỳ 01-10/11		Thời kỳ 11-20/11		Cả thời kỳ	
	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)
Sơn La-Sơn La (Đài KTTV Bắc Bộ)	20,5-21,5	< 10	19,0-20,0	10-20	18,5-19,5	< 10	19,5-20,5	20-40
Lào Cai-Lào Cai (Đài KTTV Bắc Bộ)	23,5-24,5	15-40	22,0-23,0	10-30	21,5-22,5	< 10	22,5-23,5	40-80
Lạng Sơn-Lạng Sơn (Đài KTTV Bắc Bộ)	20,5-21,5	10-20	19,0-20,0	10-20	18,5-19,5	5-15	19,5-20,5	30-60
Việt Trì-Phú Thọ (Đài KTTV Bắc Bộ)	23,5-24,5	10-30	22,0-23,0	10-20	21,5-22,5	5-15	22,5-23,5	30-60
Hải Phòng-Tp, Hải Phòng (Đài KTTV Bắc Bộ)	23,5-24,5	10-30	22,0-23,0	10-20	21,5-22,5	10-20	22,5-23,5	40-70
Hà Đông-Tp. Hà Nội (Đài KTTV Bắc Bộ)	23,5-24,5	25-50	22,0-23,0	10-30	21,5-22,5	5-15	22,5-23,5	50-90
Vinh-Nghệ An (Đài KTTV Trung Bộ)	23,5-24,5	130-230	22,0-23,0	40-70	22,0-23,0	30-60	22,5-23,5	220-330

Địa điểm dự báo (Các trạm khí tượng đặc trưng- Tỉnh/Tp-Đài KTTV Khu vực)	Thời kỳ 21-31/10		Thời kỳ 01-10/11		Thời kỳ 11-20/11		Cả thời kỳ	
	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)
Huế-Tp. Huế (Đài KTTV Trung Bộ)	23,5-24,5	400-600	22,5-23,5	250-400	22,5-23,5	220-320	23,0-24,0	900-1300
Kon Tum–Quảng Ngãi (Đài KTTV Trung Bộ)	23,0-24,0	40-70	22,5-23,5	30-60	22,5-23,5	15-30	22,5-23,5	90-170
Quy Nhơn-Gia Lai (Đài KTTV Trung Bộ)	25,5-26,5	220-320	25,5-26,5	220-320	25,5-26,5	130-230	25,5-26,5	550-850
Nha Trang- Khánh Hòa (Đài KTTV Trung Bộ)	25,5-26,5	150-250	25,5-26,5	150-250	25,5-26,5	100-200	25,5-26,5	400-700
Buôn Ma Thuột- Đắk Lắk (Đài KTTV Trung Bộ)	23,0-24,0	50-90	22,5-23,5	40-70	22,5-23,5	40-70	22,5-23,5	130-230
Nhà Bè-Tp. Hồ Chí Minh (Đài KTTV Nam Bộ)	27,5-28,5	60-100	27,0-28,0	50-90	27,5-28,5	20-40	27,5-28,5	130-230
Cần Thơ-Tp. Cần Thơ (Đài KTTV Nam Bộ)	26,5-27,5	80-150	26,5-27,5	50-90	26,5-27,5	30-50	26,5-27,5	180-280

Ghi chú:

- Ttb: Giá trị nhiệt độ trung bình (đơn vị: độ C);
- R: Giá trị tổng lượng mưa (đơn vị: milimét);
- Chuẩn sai: Giá trị chênh lệch của nhiệt độ/lượng mưa so với TBNN (đơn vị: độ C/milimét);
- Tỷ chuẩn: Giá trị chênh lệch tương đối của lượng mưa so với TBNN (đơn vị: %),
- Các khu vực dự báo được điều chỉnh theo địa danh hành chính mới (Bảng 1 – Phụ lục)

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 01/11/2025

Tin phát ngày: 21/10/2025./.

Soát tin: Đỗ Thị Thanh Thủy

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Đức Hòa

Phụ lục

Bảng 1: Các khu vực dự báo theo địa danh hành chính mới

STT	Khu vực	Gồm các tỉnh
1	Khu vực Tây Bắc Bộ	Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Lào Cai, khu vực phía Nam của tỉnh Phú Thọ (tỉnh Hòa Bình cũ).
2	Khu vực Đông Bắc Bộ	Tuyên Quang, Cao Bằng, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Tp. Hải Phòng, Bắc Ninh, Hưng Yên, Ninh Bình, Tp. Hà Nội; khu vực phía Bắc của tỉnh Phú Thọ (tỉnh Vĩnh Phúc và Phú Thọ cũ).
3	Khu vực Thanh Hóa-Huế	Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Tp. Huế.
4	Khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ	Tp. Đà Nẵng, Khánh Hòa và ven biển các tỉnh Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng.
5	Khu vực Cao nguyên Trung Bộ	Phía Tây các tỉnh Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng.
6	Khu vực Nam Bộ	Đồng Nai, Tp. Hồ Chí Minh, Tây Ninh, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Tp. Cần Thơ, An Giang, Cà Mau.

Bảng 2: Các hiện tượng thời tiết nguy hiểm ở quy mô nhỏ từ 21/9-20/10/2025

Hiện tượng	Khu vực	Thời gian
Đông, lốc	Xã Quý Nhất, Hải Thịnh, Hải Anh, Khánh Nhạc, Khánh Hội, Yên Khánh, Chát Bình- tỉnh Ninh Bình	29/9/2025
Đông, lốc, sét	Điện Biên	06/10/2025
Sét	Quảng Ngãi	20/10/2025

Bảng 3: Lượng mưa ngày (mm) cao nhất trong thời kỳ từ 21/9-20/10/2025 vượt GTLS

Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Lượng mưa cao nhất ngày trong tháng 9-10	Năm xuất hiện GTLS	Lượng mưa ngày vượt GTLS	Ngày xuất hiện
Mộc Châu (Sơn La)	187,6	2024	239,5	29/9/2025
Mai Châu (Phú Thọ)	234,1	2008	275,1	29/9/2025
Lạc Sơn (Phú Thọ)	217,3	2000	252,3	29/9/2025
Cúc Phương (Ninh Bình)	211,7	2012	252,3	29/9/2025
Qùy Hợp (Nghệ An)	202,7	1982	278,4	29/9/2025
Vĩnh Yên (Phú Thọ)	153,8	1975	181,7	30/9/2025
Láng (TP Hà Nội)	185,0	1978	295,7	30/9/2025
Hà Giang (Tuyên Quang)	144,0	1974	177,8	01/10/2025
Đồng Văn (Tuyên Quang)	53,8	2017	77,6	07/10/2025

Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Lượng mưa cao nhất ngày trong tháng 9-10	Năm xuất hiện GTLS	Lượng mưa ngày vượt GTLS	Ngày xuất hiện
Tuyên Quang	163,1	2001	226,7	07/10/2025
Ngân Sơn (Thái Nguyên)	110,0	2000	217,3	07/10/2025
Bắc Kạn (Thái Nguyên)	106,4	1964	201,2	07/10/2025
Thái Nguyên	201,9	1978	491,3	07/10/2025
Định Hóa (Thái Nguyên)	231,3	1978	245,8	07/10/2025
Cao Bằng	79,3	1978	122,3	07/10/2025
Nguyên Bình (Cao Bằng)	174,5	2000	207,0	07/10/2025
Bắc Sơn (Lạng Sơn)	99,6	1987	179,2	07/10/2025
Hữu Lũng (Lạng Sơn)	109,5	1990	148,9	07/10/2025
Hiệp Hòa (Bắc Ninh)	205,5	1987	246,8	07/10/2025
Bắc Giang (Bắc Ninh)	120,0	2016	365,4	07/10/2025
Cát Tiên (Lâm Đồng)	199,4	2012	210,0	12/10/2025

Bảng 4. Lượng mưa ngày trong tháng 10 mà vượt cả lượng mưa ngày cao nhất trong năm, cũng như là TLM cao nhất tháng 10

(Tỉnh/Tp)	Lượng mưa ngày 07/10/2025	GTLS Lượng mưa ngày cao nhất tháng 10	GTLS Lượng mưa ngày cao nhất trong năm	GTLS TLM cao nhất tháng 10
Thái Nguyên	491,3	201,9 (04/10/1978)	374,9 (05/8/1973)	363,4 (Tháng 10/1964)
Bắc Giang (Bắc Ninh)	365,4	120,0 (25/10/2016)	292,0 (14/7/1971)	292,4 (Tháng 10/1981)

Bảng 5: Nhiệt độ cao nhất tuyệt đối ngày trong thời kỳ từ 01-20/10/2025 đạt và vượt GTLS

Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 10	Năm xuất hiện GTLS	Nhiệt độ vượt GTLS	Ngày xuất hiện
Hồi Xuân (Thanh Hóa)	36,7	2003	37,6	02/10/2025
Sông Mã (Sơn La)	37,1	2023	38,8	03/10/2025
Côn Đảo (TP Hồ Chí Minh)	33,0	2023,2024	33,2	04/10/2025
Cò Nòi (Sơn La)	33,4	2019	34,0	05/10/2025
Mù Cang Chải (Lào Cai)	31,0	2005	31,3	05/10/2025
Hà Giang (Tuyên Quang)	35,4	2021	35,5	05/10/2025
Đồng Văn (Tuyên Quang)	29,1	2021	29,1	05/10/2025
Chợ Rã (Thái Nguyên)	36,0	2021	36,0	05/10/2025
Bắc Kạn (Thái Nguyên)	34,9	2023	35,2	05/10/2025
Thái Nguyên	35,0	2021	35,3	05/10/2025
Nguyên Bình (Cao Bằng)	33,1	2002	33,4	05/10/2025
Hiệp Hòa (Bắc Ninh)	35,5	2023	36,2	05/10/2025
Hà Đông (TP Hà Nội)	35,5	2023	35,7	05/10/2025
Nam Định (Ninh Bình)	35,5	2023	35,5	05/10/2025
Thanh Hóa	34,5	1969	34,7	05/10/2025
Tĩnh Gia (Thanh Hóa)	34,6	1976	35,1	05/10/2025
Đô Lương (Nghệ An)	36,6	1968	36,9	05/10/2025
Hương Sơn (Hà Tĩnh)	35,4	2015	37,0	05/10/2025
Hòn Ngur (Nghệ An)	32,3	2023	32,9	06/10/2025
Hoành Sơn (Hà Tĩnh)	32,7	2023	32,9	06/10/2025
Quảng Ngãi	35,6	2024	35,8	06/10/2025
Hoài Nhơn (Gia Lai)	34,9	1981	35,7	06/10/2025
Cam Ranh (Khánh Hòa)	35,5	2021	36,0	06/10/2025
Phù Liễn (TP Hải Phòng)	34,4	2023	34,5	12/10/2025
Thủ Dầu Một (TP Hồ Chí Minh)	35,5	2015,2018	35,7	15/10/2025
Biên Hòa (Đồng Nai)	35,7	2024	35,9	19/10/2025
Tây Ninh	35,5	2018	35,5	20/10/2025